

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Rung K'Nhon.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đặng Văn Quang

- Bà: Lương Quỳnh Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018; Tại hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Bà Lê Thị P; Sinh năm: 1989;*

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có mặt tại phiên tòa.

** Bị đơn: Ông Trần Văn T; Sinh năm: 1985;*

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn ghi ngày 22 tháng 02 năm 2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu thì vào ngày 20 tháng 02 năm 2014 chị với anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm

Đồng. Thời gian đầu chị và anh T chung sống hòa thuận. Sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh T không lo tu chí làm ăn phụ giúp gia đình mà hay chơi lô đề, cá độ bóng đá... Hiện nay chị và anh T đã ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không còn khả năng hàn gắn lại được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống thì chị P và anh T có 01 con chung là cháu Trần Lê Anh K; Sinh ngày 11/11/2015. Chị P nhận nuôi cháu K và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Như chị P trình bày là hoàn toàn đúng, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Lê Anh K; Sinh ngày 11/11/2015. Anh đồng ý để chị P nuôi con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã triệu tập nguyên đơn, bị đơn để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn anh T có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Tòa án không tổ chức hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Bị đơn anh T xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án và yêu cầu của các bên đương sự: Chị P và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó hôn nhân của vợ chồng anh T chị P là hôn nhân phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình chung sống hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị P anh T đều có nguyện vọng ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị P anh T được ly hôn.

Về con chung chị P có nguyện vọng nuôi cháu Trần Lê Anh K; Sinh ngày 11/11/2015. Không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung đồng thời anh T cũng đồng ý để chị P nuôi con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nên đề

nghe HĐXX giao cháu Trần Lê Anh K sinh ngày 11/11/2015 cho chị P nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị P và anh Trần Văn T cùng trú tại huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có đăng ký kết hôn, nên xác định hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nghiêm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị P có yêu cầu ly hôn anh T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Trần Văn T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 02 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, nên xác định hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn từ khi chung sống nhưng nghiêm trọng nhất là từ giữa năm 2016 cho đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm gia đình, hay cờ bạc, cá độ. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hòa giải được. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T; anh T đồng ý ly hôn và có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị P.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống thì chị P và anh T có 01 con chung là cháu Trần Lê Anh K; Sinh ngày 11/11/2015. Chị P nhận nuôi cháu K và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý để chị P nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nhận nuôi con chung của chị Lê Thị P.

[4] Về tài sản chung: Không có

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc nguyên đơn chị Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, và Điều

84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị P và ông Trần Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Anh K; sinh ngày 11/11/2015 cho chị Lê Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Lê Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị Lê Thị P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003503 ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo; Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- PGĐKT-TAND tòa án tỉnh LD.(02 Bản)
- VKS huyện Đam Rông.(02 bản)
- THA DS huyện Đam rông. (01 bản)
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ, án văn (02 bản).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Rung K'Nhon